

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nghệ thuật; Chuyên ngành: Điện ảnh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Hoàng Cẩm Giang**

2. Ngày tháng năm sinh: 03.6.1983; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hà Lĩnh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhà số 31, Ngõ 63, Đường Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nhà số 31, Ngõ 63, Đường Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0983093539; E-mail: gianghoang@ussh.edu.vn; gianghc@vnu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 04.06.2008 đến 15.01.2009: Giảng viên tập sự Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Từ 16.01.2009 đến nay: Giảng viên Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 30.7.2015 đến 30.7.2018: Trưởng Bộ môn Nghệ thuật học, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Từ 01.8.2018 đến 31.7.2019: Học giả tham cứu (Visiting Scholar) tại Viện Harvard-Yenching (Harvard-Yenching Institute), Hoa Kỳ

Từ 01.8.2018 đến 30.6.2020: Học giả tham cứu (Visiting Scholar) tại Trung tâm Nghiên cứu Châu Á – Đại học Harvard (Harvard University Asia Center), Hoa Kỳ

Từ tháng 8, năm 2020 đến nay: Giảng viên Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Từ 27.11.2020 đến nay: Trưởng Bộ môn Nghệ thuật học, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 336 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại cơ quan: +84 2438581165

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 2005; số văn bằng: QC 033489; ngành: Văn học (hệ Đào tạo Chất lượng cao), chuyên ngành: Văn học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 06 năm 2008; số văn bằng: QM 007796; ngành: Văn học, chuyên ngành: Lí luận Văn học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 12 năm 2014; số văn bằng: QT 000939; ngành: Văn học; chuyên ngành: Lí luận Văn học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ...tháng ...năm..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hóa – Nghệ thuật – Thể dục Thể thao

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các vấn đề loại hình học nghệ thuật và thi pháp thể loại văn học và điện ảnh;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Cải biên học và tiếp cận liên văn bản văn chương - điện ảnh;

- Phê bình sinh thái và tiếp cận cảnh quan trong điện ảnh độc lập châu Á.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **05** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này) và đang hướng dẫn 01 NCS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **02**, trong đó có 01 đề tài cấp **cơ sở**, 01 đề tài cấp **Đại học Quốc gia Hà Nội**;

- Đã công bố (số lượng) **30** bài báo khoa học, trong đó **04** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó có 01 bài báo thuộc danh mục ESCI; 01 bài báo ISI, Q1; 01 bài báo SCOPUS, Q1; 01 bài báo SCOPUS, Q3);

- Số lượng sách đã xuất bản **03** (01 chuyên khảo viết một mình, 01 chuyên khảo đứng tên đồng chủ biên và đồng tác giả, 01 sách tham khảo đứng tên đồng chủ biên và đồng tác giả) trong đó **03** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn dành cho sinh viên hệ CLC đạt kết quả học tập giỏi trong toàn khoá học;

- gương mặt trẻ tiêu biểu cấp cơ sở năm 2013;

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2014;

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn dành cho Cán bộ giảng dạy đạt nhiều thành tích trong năm học 2015-2016, 2020-2021;

- Khen thưởng công trình khoa học công bố quốc tế năm học 2019-2020;

- Khen thưởng công trình khoa học công bố quốc tế năm học 2020-2021;

- Giấy khen của Ban chấp hành công đoàn Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn dành cho Công đoàn viên Xuất sắc năm học 2020-2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá là đã hoàn thành tốt các công việc theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo. Cụ thể như sau:

Về phẩm chất chính trị, tôi luôn gương mẫu, chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, chấp hành nghiêm túc điều lệ, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị.

Về đạo đức lối sống, tôi có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống, tác phong, lễ lối làm việc chuẩn mực, lành mạnh. Tôi luôn có ý thức giữ gìn đạo đức nghiêm túc, đúng chuẩn mực của nhà giáo trong đơn vị công tác, thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Tôi luôn trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.

Khi thực hiện các nhiệm vụ được giao, tôi luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và nỗ lực để hoàn thành với kết quả tốt nhất.

Tôi có sức khoẻ tốt đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và các hoạt động chuyên môn khác.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Về năng lực chuyên môn, nghề nghiệp, trong hoạt động đào tạo, tôi luôn vượt mức giờ chuẩn theo chức danh giảng viên. Trong tất cả các phần hồi đánh giá của người học, hoạt động giảng dạy của tôi đều được đánh giá ở mức xuất sắc.

Tôi luôn chủ động trong công việc, có khả năng sư phạm, luôn có ý thức học hỏi để đổi mới phương pháp giảng dạy. Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động đào tạo khác như hướng dẫn KLTN, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, tham gia hội đồng chấm khóa luận, luận văn, luận án các cấp cũng như nhiều hoạt động hỗ trợ đào tạo khác.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tôi đã chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học với kết quả đạt chất lượng cao. Tôi cũng tích cực tham gia các hội thảo khoa học quốc tế được tổ chức ở Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Việt Nam... cũng như công bố các nghiên cứu của mình trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín và trong sách chuyên khảo được xuất bản tại nhà xuất bản học thuật quốc tế. Tôi cũng được mời phản biện kín cho các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trên thế giới thuộc danh mục ISI/Scopus và cho các chương sách trong sách chuyên khảo của nhà xuất bản uy tín trên thế giới ở Mỹ và Châu Âu.

Tôi cũng đã đóng vai trò là thành viên chính trong Ban tổ chức hội thảo quốc tế, luôn nỗ lực tạo ra sự kết nối học thuật giữa các nhà khoa học Việt Nam và quốc tế.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 5 tháng (từ 16.01.2009)
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	0	0	03	02	135	30	165/300.5/152
2	2016-2017	0	0	03	02	135	30	165/271/152
3	2017-2018	0	0	0	0	94	75	169/214.1/152
03 năm học cuối								
4	2020-2021	0	0	0	02	141	105	246/382/162
5	2021-2022	0	0	0	03	165	75	240/322.5/162
6	2022-2023	0	01	0	02	230	75	305/360/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Đọc hiểu tài liệu chuyên môn, viết các bài báo chuyên môn, trình bày, thảo luận (nghe, nói) chuyên môn bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4 (B2, Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thanh Hà		HVCH	X		2014-2016	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 2990/QĐ-XHNV-ĐT ngày 06/09/2016 Ngày cấp bằng 30.12.2016 Số hiệu bằng QM 030226
2	Nguyễn Hằng Nga		HVCH	X		2014-2016	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 4297/QĐ-XHNV-SDH ngày 16/12/2016 Ngày cấp bằng Số hiệu bằng QM 030506
3	Lê Thị Thanh Loan		HVCH	X		2015-2017	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 3401/QĐ-XHNV-SDH ngày 20/12/2017 Ngày cấp bằng 18.01.2018 Số hiệu bằng QM 032508

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Ngô Quang Trí		HVCH	X		2017-2019	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 452/QĐ-XHNV ngày 30/03/2020 Ngày cấp bằng 15.07.2020 Số hiệu bằng QM 036412
5	Nguyễn Bá Lộc		HVCH	X		2017-2019	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 1748/QĐ-XHNV ngày 30/09/2020 Ngày cấp bằng 14.01.2021 Số hiệu bằng QM 037233
6	Hoàng Dạ Vũ	NCS		X		2022-2025	Trường Đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội	Quyết định về việc bổ sung người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh số 595/QĐ-SKĐAHN ngày 20.06.2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	/	/	/	/	/	/	/
II	Sau khi được công nhận TS						
1	<i>Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI: cấu trúc và khuynh hướng</i>	Chuyên khảo	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015 ISBN: 978-604-62-2185-2	01	Chủ biên, Tác giả duy nhất	Toàn bộ cuốn sách (330 trang)	Giấy xác nhận số 2420/XHNV-ĐT của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ngày 05.9.2022.
2	<i>Văn chương nghệ thuật và thiết chế văn hóa: Những tiếp cận liên ngành</i>	Tham khảo	Nxb Thế giới, 2017, ISBN 978-604-77-3698-0	20	Đồng chủ biên, Đồng tác giả	Viết một mình từ tr.108-130	Giấy xác nhận số 2275/XHNV-ĐT của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ngày 27.6.2023.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	<i>Cảnh quan Việt Nam trong văn học và điện ảnh: những tiếp cận xuyên văn hóa</i>	Chuyên khảo	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023, ISBN: 978-604-396-420-2	27	Đồng chủ biên, Đồng tác giả	Viết một mình từ tr.9-25; từ tr. 350-375	Giấy xác nhận số 2276/XHNV-ĐT của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ngày 27.6.2023.
---	---	-------------	--	----	-----------------------------	--	---

Trong đó: Số lượng: 03 sách chuyên khảo và tham khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản ([TT: 1, 2, 3]) mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01 sách chuyên khảo viết một mình; 01 sách chuyên khảo đứng tên đồng chủ biên, đồng tác giả; 01 sách tham khảo đứng tên đồng chủ biên, đồng tác giả do NXB có uy tín xuất bản.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang... (ví dụ: 17-56).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	<i>Khuynh hướng tiểu thuyết duy trì hình thức thể loại truyền thống trong văn học Việt Nam giai đoạn 2000-2007</i>	CN	Mã số: CS.2010.17, Cấp quản lý: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	6.2010-6.2011	22.6.2011 Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
1	<i>Ảnh hưởng của các tác giả điện ảnh châu Á đương đại đến điện ảnh Việt Nam</i>	CN	Mã số: QG.16.43, Cấp quản lý: Đại học Quốc gia Hà Nội	1.2016 - 6.2018	19.6.2018 Xếp loại: Tốt
2	<i>Điện ảnh sinh thái Việt Nam và vấn đề phát triển bền vững (giai đoạn 2000-2020)</i>	CN	Mã số: 604.06-2021.01, Cấp quản lý: Bộ Khoa học và Công nghệ (NAFOSTED)	2023-2026	Đang thực hiện

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;
 TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Dấu ấn phê bình phương Tây trong văn học sử miền Nam giai đoạn 1945 -1975	02	X	<i>Nghiên cứu Văn học</i> ISSN 0494-6928			Số 3, tr.45-60	2007
2	Vấn đề nhân vật trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI	01	X	<i>Nghiên cứu Văn học</i> ISSN 0494-6928			Số 4, tr.90-104	2010
3	Một cách nhìn về “tiểu thuyết hậu hiện đại” ở Việt Nam	02	X	<i>Nghiên cứu Văn học</i> ISSN 0494-6928			Số 6, tr.74-88	2011
4	Sự xâm nhập và tái sinh của một số mô thức tự sự dân gian trong văn xuôi Việt Nam từ 1986 đến nay	01	X	<i>Văn hóa Dân gian</i> ISSN 0866-7284 (tên hiện nay: <i>Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam</i>)			Số 1, tr.43-54	2011
II Sau khi được công nhận TS								
5	Tiểu thuyết đương đại như là một thế giới trò chơi	01	X	<i>Giáo dục Nghệ thuật</i> ISSN1859-4964			Phần 1: Số đặc biệt 2015, tr.110-114 Phần 2: Số 15, tr.102-105	2015
6	Vấn đề kết cấu tự sự và các khuynh hướng phát triển của tiểu thuyết Việt	01	X	<i>Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội</i> ISSN 0866-8612			Tập 31, Số 3, tr.13-22	2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Nam đầu thế kỷ XXI							
7	Những câu hỏi triết học trong phim của Apichatpong	01	X	<i>Văn hóa Nghệ thuật</i> ISSN 0866-8655			Số 375, tr.48-51	2015
8	Hai thế hệ đạo diễn Trung Quốc và vấn đề tiếp nhận văn chương trong điện ảnh hiện đại	01	X	<i>Nghiên cứu Sân khấu và điện ảnh</i> ISSN 2354-0680			Số 7+8, Tr. 124-131	2015
9	Cách tân trên cơ sở bảo lưu truyền thống – một khuynh hướng phát triển của tiểu thuyết Việt Nam đương đại	01	X	<i>Giáo dục Nghệ thuật</i> ISSN1859-4964			Số 16, tr.100-103	2015
10	Rural - Urban Boundaries in Contemporary Vietnamese Cinema: A Look from Phan Dang Di's Films	01	X	<i>Journal of Urban Culture Research</i> , ISSN: 2228-8279 (Print) ISSN: 2408-1213 (Online)	ESCI (2016) SCOPUS, Q1 (2023) CiteScore 2022: 0.6 CiteScoreTracker 2023: 0.7	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn): 01	Vol.13 (1), pp.62-75	2016
11	Phiên dịch và cải biên: sự chuyển hóa liên ký hiệu	01	X	<i>Nghiên cứu Văn học</i> ISSN 0494-6928			Số 2, tr. 54-66	2016
12	Làn Sóng Mới và hành trình bất tận sáng tạo	01	X	<i>Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh</i> ISSN 2354-0680			Số 12+13, tr.57-61	2016
13	Long Thành cầm giã ca từ góc nhìn nhân học văn hóa	01	X	<i>Văn hóa Nghệ thuật</i> ISSN 0866-8655			Số 381, tr.53-56	2016
14	Sự thể hiện chất liệu lịch sử trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI	01	X	<i>Khoa học Xã hội và Nhân văn</i>			Tập 2, số 6, tr.657-668	2016
15	Tiểu thuyết Việt Nam đương đại trên những đường biên loại thể	01	X	<i>Giáo dục Nghệ thuật</i> ISSN1859-4964			Số 19, tr.92-95	2016
16	Rashomon của Kurosawa và sự minh triết của tự sự	01	X	<i>Giáo dục Nghệ thuật</i> ISSN1859-4964			Số 20, tr.97-101	2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

17	Cải biên tác phẩm văn học chiến tranh 1986-2000: điện ảnh như là cách đọc nữ quyền luận sinh thái	01	X	Nghiên cứu Văn học ISSN 0494-6928			Số 12, tr.104- 116	2017
18	Phan Đăng Di và Apichatpong – những giao hội ngầm (từ góc nhìn sinh thái học)	01	X	Giáo dục Nghệ thuật ISSN1859-4964			Số 22, tr.69-74	2017
19	8.1.2 và những giấc mơ của Fellini	01	X	Nghiên cứu Sân khấu và điện ảnh ISSN 2354-0680			Số 17, tr.57-61	2018
20	Poetry và góc nhìn nữ quyền luận sinh thái của đạo diễn Lee Chang-dong	01	X	Giáo dục Nghệ thuật ISSN1859-4964			Số 25, tr.18-24	2018
21	Cuộc đối thoại với tư tưởng nam quyền trong phim <i>Đập cánh giữa không trung</i>	01	X	Văn hóa Nghệ thuật ISSN 0866-8655			Số 418, tr.81-88	2019
22	Vietnamese and Chinese Movies about Royalty: From Confucian Cosmology to Ecological Politics	01	X	Asian Studies ISSN: 2232-5131 (print) ISSN: 2350-4226 (online)	SCOPUS Q1 CiteScore 2022: 1.4 CiteScoreTracker 2023: 1.2	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn): 03	Vol. 8, No. 2, pp. 135-162.	2020
23	Kẻ độc tài của Charlie Chaplin - nghệ thuật trào phúng của một thiên tài	01	X	Nghiên cứu Sân khấu và điện ảnh ISSN 2354-0680			Số 28, tr.123- 128	2020
24	Tác giả văn chương và chiếc bóng lớn trên màn ảnh: trường hợp các phim chuyển thể truyện của Nguyễn Minh Châu	01	X	Lý luận phê bình văn học nghệ thuật ISSN 0866-7349			Số 8, tr. 72-82	2020
25	From Eco-aesthetics to Ecofeminism in Korean and Vietnamese Art Cinema: The Cases of <i>Poetry</i> by Lee Chang-dong and	01	X	ISLE: Interdisciplinary Studies in Literature and Environment ISSN 1076-0962 (print), ISSN 1759-1090 (online)	ISI Q1 CiteScore 2022: 0.5 CiteScoreTracker 2023: 0.4	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn): 01	Volume 28, Issue 3, pp. 1029–1047	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	<i>The Moon at the Bottom of the Well</i> by Nguyen Vinh Son						
26	Để chông lại chủ nghĩa so sánh: (giải) điển phạm hoá qua phim cải biên truyện của Hồ Biểu Chánh (Trường hợp <i>Chúa tàu Kim Quy</i>)	01	X	<i>Nghiên cứu Văn học</i> ISSN 0494-6928		Số 3 (589), tr.43-59	2021
27	Nhìn lại <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> : từ sự mặc khải của lịch sử đến sự mặc khải của tiểu thuyết	01	X	<i>Giáo dục Nghệ thuật</i> ISSN1859-4964		Số 42, tr.88-93	2022
28	Đập Tam Hiệp và điện ảnh độc lập Trung Quốc: từ vấn đề sinh thái đến căn tính văn hóa bản địa (trường hợp <i>Đưa cha về nhà</i> và <i>Người tốt ở Tam Hiệp</i>)	01	X	<i>Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam</i> ISSN 0866-7284		Số 1 (199), tr.3-13	2022
29	Tự sự lịch sử từ văn chương đến điện ảnh: cải biên như là cuộc du hành qua các văn bản	01	X	<i>Nghiên cứu Văn học</i> ISSN 0494-6928		Số 1 (611), tr.3-8	2023
30	Screening Ecotrauma in the Context of Post-socialism: “The Great Flood” and Local Identities Crisis in Chinese and Vietnamese Independent Films (the Cases of <i>Taking Father Home</i> and 2030)	01	X	<i>Journal of Narrative and Language Studies</i> ISSN: 2148-4066	SCOPUS Q3 CiteScore 2022: 0.2 CiteScoreTracker 2023: 0.2	Vol.11, No.21, pp.70-84	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **04 [TT: 10, 22, 25, 30]**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
1	/	/	/	/	/	/	/

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	/	/	/	/	/

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	/	/	/	/	/

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình thạc sĩ Lí luận, lịch sử và phê bình điện ảnh-truyền hình	Thư ký Tổ xây dựng đề án		Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 3889/QĐ-ĐHQGHN ngày 14.10.2015 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Lí luận, lịch sử và phê bình điện ảnh-truyền hình	CTĐT đã áp dụng từ 2013, được sửa đổi bổ sung năm 2015
2	Chương trình đại học Điện ảnh và Nghệ thuật Đại chúng	Thư ký Tổ xây dựng đề án	Quyết định số 395/QĐ-XHNV ngày 08.02.2023 về việc thành lập	Đại học Quốc gia Hà Nội		CTĐT đang trong quá trình biên soạn

			tổ xây dựng đề án mở ngành đào tạo đại học hệ chuẩn ngành Điện ảnh và Nghệ thuật đại chúng			
--	--	--	--	--	--	--

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Cẩm Giang